ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 871 /QĐ-UBND	*A Dơi, ngày 30 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát địa hình phục vụ lập Quy hoạch chung xã A Dơi, tỉnh Quảng Trị đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 Chính phủ về việc quy định Chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về việc Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/ 2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTNMT ngày 27/6/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 (QCVN 72:2023/BTNMT);

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BTNMT ngày 16/8/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc trực tiếp phục vụ thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1000 và bản đồ địa hình Quốc gia tỷ lệ 1:2000, 1:5000 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2024/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10/7/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT;

Căn cứ Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 02/06/2026 của UBND xã A Dơi về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xã A Dơi, tỉnh Quảng Trị đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 8712/SNNMT-ĐĐBĐVT ngày 25/09/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị về việc thông báo kết quả thẩm định nội dung

thiết kế kỹ thuật trong nhiệm vụ và dự toán thuộc đồ án Quy hoạch chung xã A Dơi, tỉnh Quảng Trị đến năm 2050.

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã A Dơi tại Tờ trình số 309/TTr-PKT ngày 29/09/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát địa hình phục vụ lập Quy hoạch chung xã A Dơi, tỉnh Quảng Trị đến năm 2050 với nội dung sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch chung xã A Dơi, tỉnh Quảng Trị đến năm 2050.

2. Địa điểm khảo sát: xã A Dơi, tỉnh Quảng Trị

3. Chủ đầu tư: UBND xã A Dơi

4. Đại diện Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã A Dơi

5 Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ khảo sát: Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp và Môi trường, thuộc thành viên Liên danh Công ty BNA - KTNN&MT (Công ty TNHH Kiến trúc & Quy hoạch BNA và Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp và Môi trường) lập.

6. Mục tiêu khảo sát

Thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 khu vực đã được UBND xã và các đơn vị liên quan thống nhất khoanh ranh giới khảo sát nhằm cung cấp thông tin chi tiết về cao độ, hệ thống thủy văn, giao thông và các công trình hạ tầng để tính toán phương án quy hoạch, làm cơ sở để lập quy hoạch chung cấp xã, đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

7. Giải pháp kỹ thuật:

7.1. Cơ sở toán học:

* Hệ tọa độ sử dụng trong việc tính toán bình sai lưới và biên tập bản đồ địa hình theo hệ tọa độ VN-2000, lưới chiếu UTM, kinh tuyến trục 106015', múi chiếu 30, hệ số k=0,9999 và sử dụng hệ độ cao Nhà nước.

* Thông số seedfile bản đồ khảo sát địa hình:

- Thông số đơn vị đo (Working Unit):

+ Đơn vị làm việc chính (Master Unit): mét (m).

+ Đơn vị làm việc phụ (Sub Unit): milimét (mm).

+ Độ phân giải (Resolution): 1000.

+ Tọa độ điểm trung tâm làm việc (Storage Center Point/Global Origin): X: 500000 m, Y: 1000000 m.

7.2. Xây dựng lưới đo vẽ cấp 1:

- Đơn vị thi công thực hiện công tác khảo sát thực tế tại hiện trường, lập phương án thiết kế mạng lưới đo vẽ cấp 1 đo bằng công nghệ GNSS tĩnh; chọn điểm tại các vị trí ổn định, đảm bảo tầm nhìn thông thoáng và tiến hành chôn mốc theo đúng quy định.

- Sử dụng 03 điểm địa chính cơ sở có số hiệu 330424, 330421, 330429 có vị trí lân cận khu vực khảo sát, do cơ quan có thẩm quyền cung cấp để phát triển hệ thống lưới khống chế đo vẽ cấp 1.

- Lưới khống chế đo vẽ cấp 1 được xây dựng bằng công nghệ GNSS tĩnh, được thiết kế dạng lưới tam giác dày đặc, được phát triển dựa trên tối thiểu 3 điểm tọa độ

có độ chính xác tương đương điểm địa chính trở lên. Các điểm gốc phải được bố trí đều trong mạng lưới và gần mạng lưới nhất.

- Điểm đo được chọn ở vị trí có nền đất ổn định, thông thoáng, góc quan sát bầu trời ≥ 1500. Trường hợp đặc biệt có thể chọn góc quan sát bầu trời lớn hơn ≥1200 và chỉ được che khuất về một phía, thuận lợi cho việc đo đạc chi tiết. Các điểm lưới thông hướng ngang theo từng cặp điểm hoặc thông hướng ngang với 01 điểm cấp cao hơn.

- Thiết bị đo là máy thu tín hiệu vệ tinh loại thu được trị đo Code và trị đo Phase, 1 hoặc 2 tần số, có sai số danh định đo cạnh ≤10mm+1mm.D (D là chiều dài cạnh đo tính bằng kilomet). Tâm pha ăng ten máy thu được định tâm với sai số ≤5mm. Chiều cao ăng ten được đo, số đọc đến milimet.

- Thời gian đo thu tín hiệu vệ tinh chung tại cạnh lớn hơn 45 phút đối với máy thu 1 tần số và lớn hơn 30 phút đối với máy thu 2 tần số. Nếu ca đo có cạnh dài lớn hơn nhiều lần cạnh trung bình thì phải kéo dài thời gian ca đo đó thêm 10 phút cho mỗi 5km kéo dài so với cạnh trung bình.

- Lưới khống chế đo vẽ cấp 1 đo bằng công nghệ GNSS phải tuân thủ các chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản sau:

+ Số vệ tinh khỏe liên tục ≥ 4.

+ PDOP lớn nhất ≤ 4.

+ Góc ngưỡng cao (elevation mask) cài đặt trong máy thu ≥ 1500.

+ Sai số trung phương vị trí điểm yếu nhất không vượt quá ± 0,03m.

+ Sai số trung phương độ cao điểm yếu nhất không vượt quá ± 0,04m.

+ Sai số trung phương tương đối cạnh yếu nhất không vượt quá 1:10.000.

+ Sai số trung phương phương vị không vượt quá ± 20”.

+ Sai số khép tam giác không vượt quá ± 0,05m.

- Sử dụng phần mềm chuyên dụng để xử lý cạnh và bình sai lưới khống chế đo vẽ cấp 1 bằng công nghệ GNSS.

- Quy trình xử lý kết quả đo, bình sai lưới, quy cách kết quả tính toán bình sai lưới, tài liệu giao nộp và độ chính xác lưới khống chế đo vẽ phải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật xây dựng lưới khống chế đo vẽ cấp 1 quy định tại Thông tư số 68/2015/TTBTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000.

- Điểm lưới khống chế đo vẽ cấp 1 được chôn bằng mốc bê tông xi măng với Mac 200 (theo TCVN 4453-1995). Có gắn tâm hoặc được gắn trên vật kiến trúc cố định bảo đảm tồn tại trong suốt quá trình thi công và kiểm tra, nghiệm thu công trình.

7.3. Xây dựng lưới độ cao kỹ thuật:

- Lưới độ cao kỹ thuật được đo theo công nghệ GNSS tĩnh. Khi xây dựng lưới đo vẽ cấp 1 theo công nghệ GNSS tĩnh phải kết hợp đồng thời xác định tọa độ và độ cao trong cùng một lưới.

- Lưới được đo nối tối thiểu 01 điểm độ cao tương đương hạng IV trở lên. Sử dụng mô hình Geoid toàn cầu EGM2008 hoặc mô hình Geoid địa phương có độ chính xác phù hợp do cơ quan quản lý về đo đạc bản đồ Việt Nam công bố.

- Độ cao thủy chuẩn các điểm lưới đo vẽ cấp 1 được tính từ độ cao trắc địa xác định bằng đo GNSS tĩnh kết hợp với mô hình Geoid và các điểm gốc dộ cao theo công thức:

h = H - N

Trong đó:

+ h: là độ cao thủy chuẩn;

+ H: là độ cao trắc địa đo được bằng công nghệ GNSS;

+ N: là giá trị xác định từ mô hình Geoid.

- Điểm lưới độ cao kỹ thuật được bố trí trùng với điểm tọa độ đo vẽ cấp 1. Độ cao được truyền cho tất cả các mốc trong khu đo.

- Máy móc, thiết bị đo phải được kiểm tra, kiểm nghiệm trước và trong khi thực hiện công trình và phải được chứng nhận kiểm định còn hiệu lực do cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ thực hiện tại bãi chuẩn.

- Độ chính xác lưới độ cao kỹ thuật phải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật xây dựng lưới độ cao kỹ thuật quy định tại Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000.

7.4. Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000:

- Yêu cầu kỹ thuật của việc đo vẽ là phải thiết lập được bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 với đầy đủ các chi tiết cơ bản của địa hình như: Dáng đất, dân cư, hạ tầng kinh tế xã hội, các yếu tố địa vật liên quan, giao thông, thủy hệ, thực phủ, địa giới hành chính, ...

- Áp dụng kỹ thuật GNSS động thời gian thực sử dụng hệ thống trạm gốc (lưới khống chế đo vẽ cấp 1 mới xây dựng hoặc điểm địa chính cơ sở hoặc trạm định vị vệ tinh KSAN) để đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình. Khoảng cách từ trạm gốc đến điểm đo không quá 10km và phải trong vùng khống chế của các điểm tính tham số quy chuẩn.

- Thiết bị đo là máy thu tín hiệu vệ tinh GNSS loại thu được trị đo Code và trị đo Phase, 2 tần số và thiết bị có chức năng đo động thời gian thực. Trong quá trình đo vẽ chi tiết, máy thu tín hiệu vệ tinh GNSS luôn ở chế độ được phép đo (Fixxed).

- Máy móc, thiết bị đo phải được kiểm tra, kiểm nghiệm trước và trong khi thực hiện công trình và phải được chứng nhận kiểm định còn hiệu lực do cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ thực hiện tại bãi chuẩn.

- Trong trường hợp những vị trí hoặc khu vực máy đo không thu được tín hiệu vệ tinh thì sử dụng máy toàn đạc điện tử để đo vẽ chi tiết bổ sung, trên cơ sở các điểm lưới khống chế đo vẽ cấp 1 đã bố trí trong khu đo.

- Sử dụng các phần mềm chuyên dụng để xử lý và biên tập bản đồ địa hình như MicroStation, AutoCad...

- Bản đồ địa hình dạng số được biên tập trên phần mềm MicroStation dưới dạng các file có đuôi là *.dgn và được xuất thành các file có đuôi là *.dwg của phần mềm AutoCad.

- Nội dung, ký hiệu và độ chính xác của bản đồ phải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật quy định tại Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2.000, 1:5.000 và Thông tư số 03/2023/TT-BTNMT ngày 27/6/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000.

7.5. Kiểm tra nghiệm thu:

- Công tác giám sát, kiểm tra chất lượng phải tiến hành thường xuyên, chặt chẽ và kịp thời từ khi thi công đến khi kết thúc công trình.

- Công tác kiểm tra nghiệm thu sản phẩm thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 (được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024) của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

- Đơn vị kiểm tra phải có đủ năng lực và tư cách pháp nhân thực hiện.

8. Khối lượng công việc thực hiện:

8.1. Phạm vi nhiệm vụ:

- Thu thập tư liệu địa hình (bản đồ) các loại tỷ lệ đã có trong khu vực, thành lập trước đó để làm cơ sở nghiên cứu, đối chiếu, cập nhật bổ sung.

- Xây dựng lưới khống chế đo vẽ.

- Khảo sát bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 khoảng cao đều 2,5 m.

- Thực hiện công tác biên tập và tiếp biên dữ liệu bản đồ địa hình khu vực khảo sát mới với các khu vực đã có bản đồ địa hình tiếp giáp.

8.2. Khối lượng công việc:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Loại KK	Khối lượng
1	Xây dựng lưới đo vẽ cấp 1 bằng công nghệ GNSS tĩnh (kết hợp xác định tọa độ và độ cao đồng thời)	Điểm	3	28
2	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 bằng công nghệ GNSS, khoảng cao đều 2,5 m	ha	3	1139,6
3	Mua dữ liệu điểm tọa độ, độ cao nhà nước	Điểm		04

9. Sản phẩm nghiệm thu, bàn giao:

Sản phẩm giao nộp cho chủ đầu tư:

- Bản đồ địa hình: 05 bộ;

- Sổ đo lưới, thành quả tính toán bình sai lưới: 01 bộ;

(Các hồ sơ trên bao gồm cả dạng giấy và dạng số).

- Mốc tọa độ, độ cao (bàn giao tại thực địa).
- Các tài liệu khác có liên quan trong quá trình thi công.
- Đĩa CD ghi số liệu công trình: 01 đĩa.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2026

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp với đơn vị tư vấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nhiệm vụ được duyệt tại Điều 1, bảo đảm đúng nội dung, tiến độ, chất lượng, tuân thủ các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ dự toán kinh phí khảo sát trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện nhiệm vụ khảo sát địa hình theo quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng Phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Xây dựng;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Trọng Kim